

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 312/2025/HS-PT
Ngày 17 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 96/2025/TLPT-HS ngày 30/7/2025 đối với bị cáo Trần Xuân U; Do có kháng cáo của bị cáo Trần Xuân U đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HS-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 323/2025/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2025, đối với:

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần Xuân U**, sinh năm 1978 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Công an; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2023 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân U: Luật sư Đào Xuân H1 – Công ty Luật TNHH CITAD LEGAL Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại: Ông Lê Văn D, sinh năm 1978, nơi cư trú: G, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Trúc L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Đình K, Lê Thanh H2, Trần Thị Cẩm T, Lê Thị Thu H3, Huỳnh Thị D1 và người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn D, Nguyễn Đình K, Trần Văn A là bạn bè, có góp vốn kinh doanh chung trong nhiều lĩnh vực. Nguyễn Đình K quen biết và góp vốn kinh doanh dịch vụ Massage chung với Nguyễn Thị Trúc L ở huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nguyễn Thị Trúc L quen biết với Trần Xuân U làm tại Bộ C thông qua anh Trần Văn T1 giới thiệu từ năm 2019. Vào ngày 11/01/2021, Trần Văn A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B khởi tố bị cáo, bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Lê Văn D muốn giúp Trần Văn A được tại ngoại để thuận tiện trong công việc kinh doanh nên đã tìm người nhờ giúp đỡ.

Vào ngày 20/01/2021, Nguyễn Đình K giới thiệu Nguyễn Thị Trúc L (tên gọi khác là M) cho Lê Văn D và các bên gặp nhau tại quán cà phê Xóm V thuộc phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để bàn bạc giúp cho Trần Văn A có thể tại ngoại. Tại đây L giới thiệu mình quen với Trần Xuân U làm việc tại Bộ C có thể lo cho Trần Văn A được tại ngoại điều tra. Lúc này L gọi điện trao đổi với Trần Xuân U về việc chạy tại ngoại cho Trần Văn A đang bị tạm giam tại tỉnh Bình Dương thì được Trần Xuân U trả lời chi phí chạy tại ngoại hết 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) và phải đưa trước đầy đủ bằng tiền mặt.

Sau đó L nói lại với anh Lê Văn D là Trần Xuân U báo chi phí chạy tại ngoại cho Trần Văn A hết 1.100.000.000 đồng. Lê Văn D đồng ý theo yêu cầu của L và hứa khi xong việc sẽ cho thêm Liều 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Quá trình các bên nhận tiền, cụ thể như sau:

+ Vào lúc 13 giờ 47 phút ngày 03/02/2021, Lê Văn D sử dụng tài khoản của mình số 050046012639 Ngân hàng S chuyển cho L 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) vào số tài khoản 100854346868 ngân hàng V với nội dung “ck tien bao lanh a A VKS Binh Duong”. Số tiền này L nói với D để đặt tiền bảo lãnh nên yêu cầu D viết rõ trong nội dung chuyển khoản.

+ Sau khi nhận được tiền từ anh D, L báo cho Trần Xuân U biết để lấy tiền. Vào khoảng 20 giờ ngày 03/02/2021, Trần Xuân U kêu một người đàn ông không rõ nhân thân lái lịch đi ô tô xuống khu vực cầu H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre gặp trực tiếp L để lấy 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) chạy tại ngoại cho

Trần Văn A. L không nhớ biển số xe ô tô và người đàn ông nhận tiền, số tiền mặt này L có sẵn trong nhà.

+ Vào lúc 10 giờ 20 phút ngày 04/02/2021, anh D sử dụng tài khoản của mình số 0497041888888 Ngân hàng B tiếp tục chuyển 02 lần cho L tổng cộng 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) gồm: 01 lần 300.000.000 đồng với nội dung “Ck tra tien muon” và 01 lần 200.000.000 đồng với nội dung “TT tra tien muon” vào số tài khoản 100854346868 ngân hàng V. Số tiền này, L nói với anh D là đừng viết nội dung để lo chạy án mà hãy viết là chuyển trả tiền mượn.

+ Khoảng 11 giờ ngày 04/02/2021, Nguyễn Thị Trúc L cùng các anh Lê Văn D, Nguyễn Đình K, Đồng Văn H4 đi đến tiệm V1 số 176 đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để đổi 708.000.000 đồng (bảy trăm lẻ tám triệu đồng) sang 30.000USD (giá USD thời điểm tháng 02/2021 là 23.600 đồng/01USD), do Trần Xuân U' yêu cầu đưa bằng tiền USD. L sử dụng tài khoản của mình số 100854346868 Ngân hàng V chuyển khoản 05 lần tổng 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) vào tài khoản do người của tiệm vàng yêu cầu và rút tiền mặt 208.000.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu đồng) để đưa trực tiếp cho tiệm vàng. Sau khi đổi được tiền, L để 30.000USD vào bọc nilong màu đen rồi cùng Lê Văn D, Nguyễn Đình K, Đồng Văn H4 đến đường N, cổng sau Bộ C giao cho anh Lê Thanh H2 nhận tiền giùm cho U'.

Sau khi nhận tiền theo sự chỉ dẫn của U', anh H2 đem 30.000USD đến tiệm Spa ở số H, đường số E, khu dân cư H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh gặp chị Trần Thị Cẩm T. Tại đây, chị T đưa chìa khóa xe cho anh H2 bấm mở cửa xe ô tô hiệu Kia Sorento màu bạc biển số 93A – 015.37 của U' đang đậu trong tầng hầm ngôi nhà để anh H2 bỏ 30.000 USD vào trong hộc đựng đồ bên phụ của xe. Anh H2 cẩn thận chụp lại hình ảnh 30.000USD đã để trong chiếc xe ô tô rồi gửi hình qua cho U' báo cáo đã hoàn thành công việc được U' nhờ rồi đi về.

Sau khi đưa tiền xong, nhóm của L đi về lại thành phố D đón chị Huỳnh Thị D1 là vợ Trần Văn A để cùng đến khu vực bên ngoài trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương chờ Trần Văn An được trả tự do.

+ Khoảng 14 giờ ngày 04/02/2021, L nói với D chuẩn bị thêm 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) tiền mặt. Số tiền này được để trên xe ô tô có Lê Văn D, Huỳnh Thị D1, Nguyễn Đình K ngồi chung trong xe trực tiếp chứng kiến. L nói với D 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) dùng để đặt tiền bảo lãnh, còn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) phát sinh trà nước cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

Quá trình chờ đợi, L liên tục gọi điện, nhắn tin cho Trần Xuân U' vào số điện thoại 0975711568, L lưu tên là “Cong An Binh D2” nhưng U' không nghe máy. L gọi cho anh Lê Thanh H2 thì anh H2 trả lời rằng U' đang họp. Việc L gọi điện cho U' và anh H2 thì có mở loa ngoài và cầm điện thoại lên cho mọi người trong xe ô tô biết.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, không có ai liên hệ và không thấy Trần Văn A được trả tự do. Lúc này L nói: “Hôm nay không giải quyết được, ngày mai đầu

bên kia lo được sẽ báo lại”. Sau đó tất cả đi về thành phố D ăn cơm tối tại khu vực Siêu thị B1, khi ăn xong trên đường đi về anh D lấy ra 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) đưa cho L để tiếp tục lo cho Trần Văn A được tại ngoại.

Tổng cộng D đã đưa 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) cho L, sau đó L đã đưa cho Trần Xuân U 1.008.000.000 đồng (một tỷ không trăm lẻ tám triệu đồng), L giữ lại cho riêng mình 92.000.000 đồng (chín mươi hai triệu đồng).

Do Trần Văn A không được tại ngoại nên D yêu cầu L trả tiền, L yêu cầu Trần Xuân U trả lại tiền. Quá trình trao đổi, giao trả lại tiền với Trần Xuân U thì L có lưu lại các tin nhắn và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Quá trình các bên trả lại tiền, cụ thể như sau:

+ Khoảng 20 giờ ngày 08/02/2021, Trần Xuân U nhờ chị Trần Thị Cẩm T mang 30.000 USD để trong bọc nylon màu đen đến trước quán C1 trên đường N đối diện cổng sau Bộ C để trả lại cho L. Khi nhận lại tiền thì L có cầm trên tay và đếm lại. Chị T cẩn thận chụp lại hình ảnh L nhận và đếm tiền rồi gửi sang cho U biết. Do chưa nhận được đủ tiền, nên L tiếp tục đòi U phải trả lại đầy đủ số tiền mà U đã nhận từ L. Ứng khai nhận đã trả lại cho L đầy đủ số tiền USD mà L đã đưa trước đó, còn L khai chỉ nhận được 7.000 USD. Vấn đề này Cơ quan điều tra đã cho hai bị cáo đối chất với nhau để làm rõ mâu thuẫn.

+ Ngày 09/02/2021, Nguyễn Thị Trúc L sử dụng tài khoản của mình số 100854346868 Ngân hàng V chuyển vào tài khoản số 0497041888888 Ngân hàng B của Lê Văn D để trả lại số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

+ Ngày 26/02/2021, Nguyễn Thị Trúc L nhờ Nguyễn Đình K chuyển vào tài khoản số 0497041888888 Ngân hàng B của Lê Văn D trả 02 lần gồm 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng) với cùng nội dung “chuyen tien bao lanh”.

+ Sáng ngày 10/3/2021, L, D, H4, K cùng đi lên khu vực cổng sau Bộ C để đòi lại tiền từ Trần Xuân U. Cả nhóm ngồi uống cà phê đợi khoảng 03 giờ đồng hồ nhưng không có ai ra trả tiền nên tất cả đi về. Vào lúc 11 giờ 20 phút cùng ngày, U tiếp tục nhờ chị T chuyển khoản trả cho L 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), U nói với chị T ghi nội dung chuyển khoản là “HOANG CHUYỀN TIỀN CHO MI (LIEU)”. Số tiền này, sau đó U đã trả lại cho chị T.

+ Ngày 15/3/2021, Nguyễn Thị Trúc L nhờ Nguyễn Đình K chuyển vào tài khoản số 0497041888888 Ngân hàng B của Lê Văn D số tiền 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng) với nội dung “chuyen tien a dung”.

+ Ngày 23/3/2021, Nguyễn Thị Trúc L sử dụng tài khoản của mình số 100854346868 Ngân hàng V chuyển vào tài khoản số 0497041888888 Ngân hàng B của Lê Văn D để trả lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

+ Ngày 03/9/2022, L đưa con đi khám tại Bệnh viện T3, Thành phố Hồ Chí Minh thì chị Trần Thị Cẩm T đến gặp L trao đổi nội dung “Công an B có mời em lên làm việc thì cứ nói đã nhận từ anh U rồi. Chị cho em 50.000.000 đồng (năm

mười triệu đồng) để hỗ trợ em bé uống sữa”. Lúc này L yêu cầu U phải trả 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), T trao đổi với U thì U chỉ đồng ý trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Chị T yêu cầu L cho số tài khoản, L cho số tài khoản 15385277 tại Ngân hàng A1 của em trai tên Trần Minh N1. Sau đó T chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của Trần Minh N1 với nội dung “Tu chuyen tien cho L1 vu an Binh Duong”. T hứa khi nào L khai với Công an B theo đúng hướng dẫn của U và có văn bản xác nhận Công an B không điều tra Ứng nữa thì sẽ chuyển hết 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) còn lại cho L. Số tiền này, sau đó U đã trả lại cho chị T.

Tổng cộng Lê Văn D đã nhận lại được tiền từ Nguyễn Thị Trúc L là 672.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi hai triệu đồng), D tự làm tròn số là 700.000.000 đồng. Lê Văn D tiếp tục yêu cầu Nguyễn Thị Trúc L trả lại hết 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) đã nhận nhưng L không trả. Do L mới nhận lại được từ Trần Xuân U 7.000 USD và 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Nguyễn Thị Trúc L nói với D do chưa lấy lại hết tiền từ Trần Xuân U nên không có tiền trả lại cho D.

Bức xúc trước việc Nguyễn Thị Trúc L không trả lại hết tiền nên Lê Văn D đến Phòng C2 Công an tỉnh B tố cáo L để xử lý theo quy định.

Tại Cáo trạng số 178/CT-VKSBD-P1 ngày 23/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, truy tố bị cáo Trần Xuân U về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; bị cáo Nguyễn Thị Trúc L Liễu về tội “Môi giới hối lộ” quy định tại khoản 4 Điều 365 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HS-ST ngày 19/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), quyết định:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân U phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Thị Trúc L phạm tội “Môi giới hối lộ”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Xuân U 13 (mười ba) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 4 năm 2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T2 Liễu án, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/6/2025, bị cáo Trần Xuân U có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với lời khai nhận tội của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và lời khai của Nguyễn Thị Trúc L, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có cơ sở xác định bị cáo U đã lợi dụng bản thân là công an, với sự giới thiệu của Nguyễn Thị Trúc L đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho anh Lê Văn D tin là bị cáo có thể xin cho Trần Văn A được tại ngoại, bị cáo đã 02 lần nhận tiền với số tiền 1.100.000.000 đồng. Sau đó không xin được cho Trần Văn A được tại ngoại, chiếm đoạt số tiền 1.100.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm bị cáo chỉ thừa nhận hành vi nhận 30.000 đô la, tương đương 708.000.000 đồng, không thừa nhận hành vi nhận 300.000.000 đồng vào ngày 03/02/2021. Bị cáo đã trả lại đầy đủ số tiền đã nhận là 708.000.000 đồng, bị cáo không phạm tội 02 lần như cáo buộc của bản án sơ thẩm. Bị cáo kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, đánh giá khách quan và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào kết quả sao kê của ngân hàng, lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo đã 02 lần nhận tiền của L do đó đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị 500.000.000 đồng trở lên, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, mức hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc chung thân và với tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Do bị cáo không thành khẩn khai báo mà chỉ bồi thường khắc phục một hậu quả, quá trình công tác bị cáo là người có thành tích, có cha tên ông Trần Văn H là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 13 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất nguy hiểm mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, những tình tiết mà bị cáo nêu ra đã được trình bày tại cấp sơ thẩm. Trước phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã nộp thêm 200.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Luật sư Đào Xuân H1 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52, không áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự với bị cáo U là không đúng. Bị cáo đã khắc phục hơn $\frac{1}{2}$ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; quá trình công tác bị cáo có tình thành tích xuất sắc được tặng Huy chương, Bằng khen; bị cáo có cha tên ông Trần Văn H là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng theo điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bồi thường khắc phục thêm số tiền 200.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt thấp nhất dưới khung hình phạt đối với bị cáo là cũng đủ răn đe đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Xuân U trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Xuân U' làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Xuân U' đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo khác, lời khai của bị hại, các kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Lê Văn D, Nguyễn Đình K và Trần Văn A là bạn bè có góp vốn kinh doanh chung. Vào khoảng tháng 01/2021, Trần Văn A bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B khởi tố, bắt tạm giam về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên Lê Văn D đã thông qua giới thiệu của bạn bè để tìm người xin giúp cho Trần Văn A được tại ngoại. Lúc này, Nguyễn Thị Thúy L2 được bạn của D giới thiệu đã đứng ra làm cầu nối môi giới chạy việc giao nhận tiền từ D chuyển cho Trần Xuân U' để U' xin cho Trần Văn A được tại ngoại. Riêng Trần Xuân U' không có thẩm quyền, không có khả năng xin cho Trần Văn A được tại ngoại nhưng vẫn đưa ra thông tin gian dối là xin được cho Trần Văn A tại ngoại để D chuyển số tiền 1.100.000.000 đồng cho L2 và L2 đã chuyển cho Trần Xuân U' số tiền 1.008.000.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Xuân U' phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Thị Trúc L phạm tội “Môi giới hối lộ” quy định tại khoản 4 Điều 365 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, không những gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương mà còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Cơ quan nhà nước, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, cần phải xử các bị cáo mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét thấy, trong vụ án này bị cáo Trần Xuân U' đã đưa thông tin gian dối giúp cho Trần Văn A được tại ngoại với số tiền là 1.100.000.000 đồng, làm cho bị hại tin tưởng chuyển số tiền cho bị cáo L, sau đó L đưa U'. Như vậy giữa các bị cáo và bị hại đã thống nhất số tiền 1.100.000.000 đồng ngay từ đầu. Do đó, hành vi của bị cáo U' chỉ thực hiện hành vi phạm tội một lần là đưa ra thông tin gian dối về việc đó; sau đó bị cáo không có thực hiện thêm hành vi gian dối nào khác để chiếm đoạt thêm tài sản của bị hại ngoài số tiền 1.100.000.000 đồng như thông

tin ban đầu. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo L nhiều lần chuyển cho bị cáo U với tổng số tiền 1.008.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo là phạm tội nhiều lần và áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là không phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy hành vi của bị cáo U đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền 1.100.000.000 đồng và áp dụng tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là tình tiết định khung, thì không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 trong trường hợp này.

Đồng thời, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã khai nhận toàn bộ các hành vi mà bị cáo đã thực hiện; Tuy nhiên do nhận thức nên bị cáo cho rằng hành vi mà bị cáo thực hiện là không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chứ không phải bị cáo không thành khẩn khai báo. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo U là bất lợi cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khắc phục thêm một phần hậu quả với số tiền là 200.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004724 ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thị hành án dân sự Thành phố H. Ngoài ra, bị cáo U còn có các tình tiết giảm nhẹ, cụ thể: Bị cáo đã khắc phục hơn $\frac{1}{2}$ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; quá trình công tác bị cáo có tình thành tích xuất sắc được tặng Huy chương, Bằng khen; bị cáo có cha tên ông Trần Văn H là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng theo điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Theo đó, trong vụ án này bị cáo U không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo U mức án 13 năm tù là có phần nghiêm khắc.

Vậy nên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân U, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân U; sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trần Xuân U.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Xuân U không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Trúc L, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân U; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HS-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) về hình phạt đối với bị cáo Trần Xuân U.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân U 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Xuân U theo quyết định giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Số tiền 200.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004724 ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H mà bị cáo nộp khắc phục hậu quả sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Xuân U không phải nộp.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
 - VCT&KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
 - TAND TP.HCM; (2)
 - VKSND TP.HCM; (1)
 - Công an TP.HCM; (1)
 - Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
 - THADS TP.HCM; (1)
 - TTG số 2 - Công an TP.HCM (Tổng đạt (2)
- cho bị cáo);
- Lưu VT (5), HS (2) (Án Tâm -KT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh